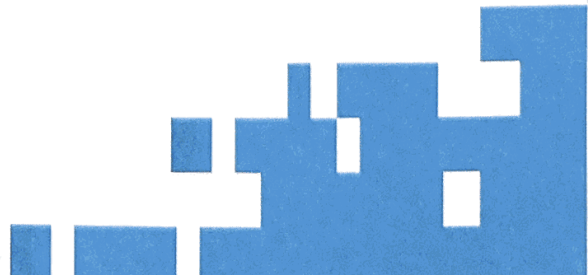


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 35



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Diệp Thành Kiệt	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Thành viên
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Trưởng ban
Ông Trần Văn	Thành viên
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

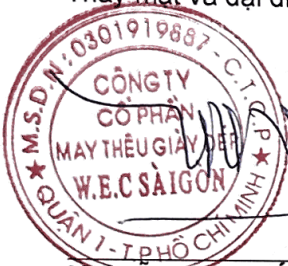
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thị Tuyết Phương**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024



Số: 501/2024/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD  
ASSURANCE | TAX | CONSULTING





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.495.095.116</b>	<b>48.284.201.850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>13.519.779.480</b>	<b>6.157.234.886</b>
1. Tiền	111		7.519.779.480	2.157.234.886
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	4.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.020.000.000</b>	<b>25.956.289.592</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.336.289.592
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	30.020.000.000	24.620.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.668.007.330</b>	<b>4.814.719.852</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.536.129.899	3.452.784.022
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		92.400.000	80.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.039.477.431	1.281.035.830
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.315.051.947</b>	<b>9.562.674.669</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.4	8.315.051.947	9.562.674.669
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.972.256.359</b>	<b>1.793.282.851</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		361.502.487	101.082.375
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.9	1.610.753.872	1.692.200.476
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.926.673.080</b>	<b>3.816.864.613</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.830.958</b>	<b>336.830.958</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		36.830.958	336.830.958
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.397.823.423</b>	<b>2.313.949.139</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.317.323.423	2.191.449.139
Nguyên giá	222		22.884.117.596	24.222.427.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.566.794.173)	(22.030.978.058)
2. Tài sản cố định vô hình	227		80.500.000	122.500.000
Nguyên giá	228		316.034.200	316.034.200
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(235.534.200)	(193.534.200)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	4.6	-	-
1. Nguyên giá	231		7.273.326.473	7.273.326.473
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.273.326.473)	(7.273.326.473)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.492.018.699</b>	<b>1.166.084.516</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.313.388.417	1.166.084.516
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		178.630.282	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>61.421.768.196</b>	<b>52.101.066.463</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.876.718.986</b>	<b>17.707.403.959</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.847.718.986</b>	<b>16.054.755.018</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	3.445.602.240	3.404.899.763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.8	3.333.710.500	7.162.532.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	4.205.135.111	901.766.107
4. Phải trả người lao động	314	4.10	4.768.858.511	2.433.067.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		622.396.293	131.804.405
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		225.548.400	377.850.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	4.908.901.476	1.237.105.732
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		337.566.455	405.729.075
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.029.000.000</b>	<b>1.652.648.941</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.11	1.029.000.000	876.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	776.648.941
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.545.049.210</b>	<b>34.393.662.504</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.12.1	<b>38.545.049.210</b>	<b>34.393.662.504</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.12.2	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.353.380.000	1.353.380.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.986.733.644	5.943.533.644
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.341.117.847	1.519.539.288
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		679.488.784	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.661.629.063	1.519.539.288
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		863.817.719	1.577.209.572
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>61.421.768.196</b>	<b>52.101.066.463</b>



**Nguyễn Thị Tuyết Phương**  
Tổng Giám đốc

Người lập

**Nguyễn Thị Kim Chi**  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	95.012.263.695	57.454.312.995
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.012.263.695	57.454.312.995
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	59.779.971.906	39.198.364.712
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.232.291.789	18.255.948.283
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.358.115.486	2.137.072.756
6. Chi phí tài chính	22		163.241.204	314.860.588
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		18.279.452	-
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.974.541.337	4.062.443.517
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	17.324.400.532	12.386.238.656
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.128.224.202	3.629.478.278
10. Thu nhập khác	31		157.637.778	411.582.793
11. Chi phí khác	32		170.056.908	184.574.685
12. Lợi nhuận khác	40		(12.419.130)	227.008.108
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.115.805.072	3.856.486.386
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	3.235.391.009	961.984.830
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(955.279.223)	60.887.957
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.835.693.286	2.833.613.599
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.430.270.374	2.999.144.796
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		405.422.912	(165.531.197)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	4.029	900
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	4.029	900



Phê duyệt

Nguyễn Thị Tuyết Phương  
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>19.955.805.072</b>	<b>3.856.486.386</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	1.000.071.171	1.268.658.607
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.624.993	11.563.045
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.673.742.091)	(1.982.537.010)
Chi phí lãi vay	06		18.279.452	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh</b>	<b>08</b>		<b>19.311.038.597</b>	<b>3.154.171.028</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.402.512.110)	(2.213.711.955)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.247.622.722	2.889.503.537
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(148.513.782)	3.372.988.770
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(407.724.013)	263.254.497
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.336.289.592	(336.392.304)
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.279.452)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(261.984.830)	(1.112.745.082)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.392.469.200)	(1.012.322.940)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.263.467.524</b>	<b>5.004.745.551</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(83.945.455)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		36.087.387	163.027.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(34.500.000.000)	(28.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.700.000.000	28.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.200.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.637.654.704	1.819.509.510
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.410.203.364)</b>	<b>1.382.537.010</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.5	(2.480.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.480.000.000)</b>	<b>(6.000.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.373.264.160</b>	<b>387.282.561</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.157.234.886	5.765.037.019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.719.566)	4.915.306
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>13.519.779.480</b>	<b>6.157.234.886</b>

**Phê duyệt**  
  
**Nguyễn Thị Tuyết Phương**  
Tổng Giám đốc

**Người lập**  
  
**Nguyễn Thị Kim Chi**  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000005 ngày 28 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 02 năm 2013.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 là 24 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	Việt Nam	2.468.980.000	10,29	2.468.980.000	10,29
Vốn góp của các đối tượng khác	Việt Nam	21.531.020.000	89,71	21.531.020.000	89,71
<b>Cộng</b>		<b>24.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 là Chi nhánh Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn được đặt tại 89 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 239 (31/12/2022 là: 184).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, gia công may mặc, giáo dục mầm non và dịch vụ cho thuê bất động sản.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Giáo dục mầm non.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị thuộc các ngành hàng may mặc, thêu, móc, đan, giày dép, dệt vải, len, da, giả da, nhựa, mousse, cao su; hàng thủ công mỹ nghệ khác (trừ sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê mặt bằng nhà, kho, xưởng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

### 1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2023, do không còn chịu ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus, điều này dẫn đến số lượng đơn hàng nhận gia công từ khách hàng tăng mạnh. Ngoài ra, số lượng lớp học và học sinh của trường mầm non cũng tăng mạnh. Điều này dẫn đến doanh thu và lợi nhuận hàng may mặc, gia công và giáo dục mầm non của Tập đoàn tăng đáng kể so với năm 2022.

### 1.6. Các công ty con được hợp nhất

*Công ty con trực tiếp:*

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần May Đại Việt	Số 62 Tân Thành, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	96%	96%	96%

*Công ty con gián tiếp:*

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH May Tây Nguyên	Km 09 - Quốc lộ 14, Xã Ea Tu, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	96%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 2.5. Cơ sở hợp nhất (Tiếp theo)

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

### 3.5. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.6. Hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.6. Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 15 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 5 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▪ Khác	4 năm

**3.8. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

#### *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

#### *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm nhà cửa, vật kiến trúc là từ 5 đến 10 năm.

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### 3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### 3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

#### *Quỹ dự trữ*

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.12. Doanh thu và thu nhập khác

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

#### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### 3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### 3.14. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vận chuyển, bốc xếp,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### 3.15. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.15. Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- |   |                  |
|---|------------------|
| ▪ Kinh doanh trường mầm non:                  | Không chịu thuế; |
| ▪ Doanh thu hàng may mặc, gia công xuất khẩu: | 0%;              |
| ▪ Dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác:  | 10%;             |
| ▪ Doanh thu bán hàng trong nước:              | 10%.             |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.15. Thuế (Tiếp theo)

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

### 3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	39.670.282	149.627.642
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.480.109.198	2.007.607.244
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.519.779.480</b>	<b>6.157.234.886</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng và có lãi suất 2,3%/năm đến 3,45%/năm.

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng, được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam	13.620.000.000	Từ 3,2% đến 7,5%	6.120.000.000	Từ 4,8% đến 5%
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	12.400.000.000	Từ 8,3% đến 8,4%	18.500.000.000	Từ 5,1% đến 5,5%
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	4.000.000.000	Từ 4,1% đến 5,4%	-	-
<b>Cộng</b>	<b>30.020.000.000</b>		<b>24.620.000.000</b>	

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Rezicon Limited	2.387.964.958	-
Chori Co., Ltd	-	3.299.836.612
Khác	148.164.941	152.947.410
<b>Cộng</b>	<b>2.536.129.899</b>	<b>3.452.784.022</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	822.070.598	-	1.989.785.475	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.492.981.349	-	7.572.889.194	-
<b>Cộng</b>	<b>8.315.051.947</b>	<b>-</b>	<b>9.562.674.669</b>	<b>-</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	14.099.421.207	7.520.619.261	1.957.200.000	100.186.729	545.000.000	24.222.427.197
Mua trong năm	83.945.455	-	-	-	-	83.945.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.374.561.056)	-	(47.694.000)	-	(1.422.255.056)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>14.183.366.662</b>	<b>6.146.058.205</b>	<b>1.957.200.000</b>	<b>52.492.729</b>	<b>545.000.000</b>	<b>22.884.117.596</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	12.333.042.825	7.095.548.504	1.957.200.000	100.186.729	545.000.000	22.030.978.058
Khấu hao trong năm	724.353.068	233.718.103	-	-	-	958.071.171
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.374.561.056)	-	(47.694.000)	-	(1.422.255.056)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>13.057.395.893</b>	<b>5.954.705.551</b>	<b>1.957.200.000</b>	<b>52.492.729</b>	<b>545.000.000</b>	<b>21.566.794.173</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	1.766.378.382	425.070.757	-	-	-	2.191.449.139
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.125.970.769</b>	<b>191.352.654</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.317.323.423</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.105.683.194 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nhà cửa, vật kiến trúc	Tại ngày	Tăng trong	Giảm trong	Tại ngày
	31/12/2023	năm	năm	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá	7.273.326.473	-	-	7.273.326.473
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.273.326.473)	-	-	(7.273.326.473)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>-</b>			<b>-</b>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 7.273.326.473 VND.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
Công ty TNHH Khang Thịnh	1.033.896.091	1.033.896.091	102.289.748	102.289.748
Công ty TNHH Bao Bi T&T	-	-	747.501.889	747.501.889
Công ty TNHH XNK May Thanh Vân	-	-	552.557.243	552.557.243
Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại Phụ Liệu May Lợi Đạt	-	-	353.539.923	353.539.923
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	2.411.706.149	2.411.706.149	1.649.010.960	1.649.010.960
<b>Cộng</b>	<b>3.445.602.240</b>	<b>3.445.602.240</b>	<b>3.404.899.763</b>	<b>3.404.899.763</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bà Nguyễn Đặng Tường Vi	3.300.000.000	3.300.000.000
Rezicon Limited	-	3.834.507.707
Khác	33.710.500	28.025.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.333.710.500</u></b>	<b><u>7.162.532.707</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Số thuế GTGT phát sinh VND	Số thuế GTGT được hoàn VND	Số thuế GTGT được khấu trừ VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.610.753.872	5.843.089.147	5.524.148.309	400.387.442	1.692.200.476
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã khấu trừ	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	564.446.911	3.084.068.312	400.387.442	2.929.995.305	410.373.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.242.629.501	3.235.391.009	-	261.984.830	269.223.322
Thuế thu nhập cá nhân	398.058.699	721.188.798	-	545.298.980	222.168.881
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	842.366.058	-	842.366.058	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	-	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.205.135.111</b>	<b>7.888.014.177</b>	<b>400.387.442</b>	<b>4.584.645.173</b>	<b>901.766.107</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.10. Phải trả người lao động**

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2023 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2023.

**4.11. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	755.409.000	-
Cổ tức phải trả cho các bên khác	2.924.591.000	-
Kinh phí công đoàn	141.844.776	74.167.332
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế	9.250.116	10.817.316
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, nhận đặt cọc	1.070.648.334	1.114.648.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.158.250	37.472.750
<b>Cộng</b>	<b><u>4.908.901.476</u></b>	<b><u>1.237.105.732</u></b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.029.000.000	876.000.000

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

**4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2022	24.000.000.000	1.353.380.000	5.943.533.644	5.157.747.214	1.742.740.770	38.197.401.627
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.999.144.797	(165.531.198)	2.833.613.599
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(2.400.000.000)	-	(2.400.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(3.600.000.000)	-	(3.600.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(637.352.722)	-	(637.352.722)
Tại ngày 01/01/2023	24.000.000.000	1.353.380.000	5.943.533.644	1.519.539.288	1.577.209.572	34.393.662.504
Lãi trong năm nay	-	-	-	13.430.270.374	405.422.912	13.835.693.286
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(6.000.000.000)	(160.000.000)	(6.160.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.324.306.580)	-	(1.324.306.580)
Tăng/(Giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con gián tiếp	-	-	43.200.000	(1.336.101.286)	(907.098.714)	(2.200.000.000)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	51.716.051	(51.716.051)	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>1.353.380.000</b>	<b>5.986.733.644</b>	<b>6.341.117.847</b>	<b>863.817.719</b>	<b>38.545.049.210</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	2.468.980.000	2.468.980.000
Vốn góp của các đối tượng khác	21.531.020.000	21.531.020.000
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

**4.12.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.400.000	2.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	13.430.270.374	2.999.144.797
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(3.761.774.160)	(840.050.504)
Lãi/(lỗ) để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.668.496.215	2.159.094.292
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.400.000	2.400.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.029</b>	<b>900</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được tạm trích dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 04 năm 2023.

**4.12.5. Cổ tức**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	6.160.000.000	6.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(2.480.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.680.000.000</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản nhận giữ hộ:		
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công	4.828.845.662	7.428.958.709
	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	217.988,89	2.669,20
EUR	-	1.501,91

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu hàng may mặc, gia công (*)	81.684.613.686	47.002.535.342
Doanh thu giáo dục mầm non (*)	7.423.133.676	5.534.032.074
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.725.594.250	4.907.752.986
Khác	178.922.083	9.992.593
<b>Cộng</b>	<b>95.012.263.695</b>	<b>57.454.312.995</b>

(\*) Mục 1.5 của bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân doanh thu hàng may mặc, gia công và giáo dục mầm non năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng may mặc, gia công	53.059.777.723	32.888.091.628
Giá vốn từ giáo dục mầm non	5.118.223.924	3.960.818.340
Giá vốn cho thuê mặt bằng	1.593.674.247	1.733.619.049
Khác	615.835.695	615.835.695
<b>Cộng</b>	<b>59.779.971.906</b>	<b>39.198.364.712</b>

Giá vốn trong kỳ tăng do doanh thu tăng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	720.460.782	317.563.246
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.637.654.704	1.819.509.510
<b>Cộng</b>	<b>2.358.115.486</b>	<b>2.137.072.756</b>

**5.4. Chi phí bán hàng**

Là chi phí dịch vụ vận chuyển, bốc xếp phát sinh trong năm.

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.901.302.750	9.268.956.059
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	32.014.985	48.416.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	42.000.000	49.288.635
Thuế, phí và lệ phí	18.752.000	36.453.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	594.986.001	426.561.113
Chi phí bằng tiền khác	3.735.344.796	2.556.563.545
<b>Cộng</b>	<b>17.324.400.532</b>	<b>12.386.238.656</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	56.028.833.450	47.668.511.192
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	11.251.440.943	10.713.622.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.000.071.171	1.268.658.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.655.581.756	5.466.028.350
Chi phí khác bằng tiền	6.246.704.923	5.138.281.178
<b>Cộng</b>	<b>81.182.632.243</b>	<b>70.255.101.921</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN là 20% đối với tất cả các công ty trong Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc;
- Hoạt động trường mầm non;
- Cho thuê mặt bằng;
- Hoạt động khác.

Đơn vị tính: Ngàn đồng

	Hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc		Hoạt động trường mầm non		Cho thuê mặt bằng		Hoạt động khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>Doanh thu</b>												
Từ khách hàng bên ngoài	81.684.614	47.002.535	7.423.134	5.534.032	5.725.594	5.534.032	178.922	9.993	-	-	95.012.264	57.454.313
Giữa các bộ phận	25.498.518	17.289.074	-	-	1.600.000	-	-	-	(27.098.518)	(18.889.074)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>107.183.132</b>	<b>64.291.610</b>	<b>7.423.134</b>	<b>5.534.032</b>	<b>7.325.594</b>	<b>5.534.032</b>	<b>178.922</b>	<b>9.993</b>	<b>(27.098.518)</b>	<b>(18.889.074)</b>	<b>95.012.264</b>	<b>57.454.313</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>												
Kết quả của bộ phận	27.855.052	13.574.376	2.304.910	1.573.214	5.731.920	4.774.134	170.626	(605.843)	(830.216)	(1.059.932)	35.232.292	18.255.948
Chi phí không phân bổ											(21.298.942)	(16.448.682)
Thu nhập tài chính											2.358.115	2.137.073
Chi phí tài chính											(163.241)	(314.861)
Lợi nhuận trước thuế											16.115.805	3.856.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp											(2.280.112)	(1.022.873)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>											<b>13.835.693</b>	<b>2.833.614</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác

	Hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc		Hoạt động trường mầm non		Cho thuê mặt bằng		Hoạt động khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Ngân đồng	
	Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tại ngày		Tổng cộng	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
Tài sản của bộ phận											-	-
Tài sản không phân bổ											61.421.768	52.101.066
<b>Tổng tài sản</b>											<b>61.421.768</b>	<b>52.101.066</b>
Nợ phải trả của bộ phận											-	-
Nợ phải trả không phân bổ											22.876.719	17.707.404
<b>Tổng nợ phải trả</b>											<b>22.876.719</b>	<b>17.707.404</b>
	Hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc		Hoạt động trường mầm non		Cho thuê mặt bằng		Hoạt động khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí mua sắm tài sản											83.945	-
Chi phí khấu hao											1.000.071	1.268.659

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	TP. Hồ Chí Minh		Đắk Lắk		Loại trừ		Đơn vị tính: Ngân đồng Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	95.012.264	57.454.313	-	-	-	-	95.012.264	57.454.313
Giữa các bộ phận	1.600.000	1.600.000	25.498.518	17.289.074	(27.098.518)	(18.889.074)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.612.264</b>	<b>76.343.387</b>	<b>25.498.518</b>	<b>17.289.074</b>	<b>(27.098.518)</b>	<b>(36.178.149)</b>	<b>95.012.264</b>	<b>57.454.313</b>
Khấu hao tài sản	155.606	414.650	844.465	854.009	-	-	1.000.071	1.268.659
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	83.945	-	-	-	83.945	-

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
Phải trả ngắn hạn khác về cổ tức:		
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	358.065.000	-
Ông Diệp Thành Kiệt	173.031.000	-
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	137.784.000	-
Bà Vũ Thị Kim Nhung	42.546.000	-
Ông Trần Văn	32.544.000	-
Bà Đặng Thị Kim Thoa	11.439.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.11</b>	<b><u>755.409.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Thù lao của HĐQT, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm 2023 VND</b>	<b>Năm 2022 VND</b>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.261.020.322	1.373.908.823
Ông Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	256.742.674	236.489.261
Ông Diệp Thành Kiệt	Chủ tịch HĐQT	97.750.000	14.000.000
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Trưởng BKS	62.150.000	14.000.000
Ông Trần Văn	Thành viên BKS	271.950.000	249.000.000
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên BKS	11.250.000	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>1.960.862.996</u></b>	<b><u>1.893.398.084</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tập đoàn cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	4.109.249.450	3.760.709.886

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	12.973.128.000	1.531.350.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.346.000.000	360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.319.128.000</b>	<b>1.891.350.000</b>

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2022 VND	Năm 2022 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	900	1.049
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	900	1.049

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Tập đoàn đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được ghi nhận theo số tạm trích).

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



**Nguyễn Thị Tuyết Phương**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**Người lập**



**Nguyễn Thị Kim Chi**  
Kế toán trưởng